

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Áp dụng khóa tuyển sinh năm 2023 trở về sau

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT ngày 30 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Quản trị Kinh doanh;
- + Tiếng Anh: Business Administration.
- Mã ngành đào: 9340101.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo tiến sĩ do Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) cấp bằng.
- Phương thức đào tạo: Phương thức 1 và 2.
- Thời gian đào tạo: 03-04 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh;
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Business Administration.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Quản trị Kinh doanh (QTKD) của Trường ĐHQT nhằm đào tạo ra những nhà khoa học chuyên nghiệp và năng động có khả năng làm việc trong các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) của các tập đoàn lớn. Các nghiên cứu sinh (NCS) sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu và tiếp cận phương pháp nghiên cứu hiện đại trong các lĩnh vực nghiên cứu về lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. Nhìn chung, mục tiêu của chương trình đào tạo tiến sĩ QTKD nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách về đội ngũ các nhà khoa học độc lập, đó là những người có kiến thức chuyên sâu, có khả năng xử lý thông tin hữu hiệu, có khả năng phát hiện vấn đề, có kỹ năng nghiên cứu khoa học, và có thể sáng tạo ra những tri thức khoa học mới.

Mục tiêu đào tạo của chương trình đạt một số chuẩn đầu ra cụ thể như sau:

2.1. Về kiến thức

a) Chương trình đào tạo tiến sĩ QTKD của Trường ĐHQT cung cấp cho NCS những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh bao gồm những kiến thức về phân tích định lượng, kinh tế lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và thực nghiệm, kinh doanh quốc tế, quản trị marketing quốc tế, quản trị tổ chức tài chính, chiến lược quản trị, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, đầu tư và chứng khoán phái sinh. Ngoài ra chương trình cũng trang bị cho NCS những kiến thức và kỹ năng thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học cũng như kỹ năng viết đề tài nghiên cứu khoa học theo chuẩn của các tổ chức khoa học quốc tế uy tín.

b) Sau khi tốt nghiệp, NCS có khả năng phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế của địa phương và của doanh nghiệp; có khả năng phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế cũng như sản xuất kinh doanh dịch vụ của địa phương và các doanh nghiệp; có khả năng tiếp thu những kiến thức mới, tiên tiến, hiện đại của nước ngoài; có năng lực ứng dụng và sáng tạo cao trong môi trường nền kinh tế hội nhập.

2.2. Về kỹ năng

a) NCS của chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường ĐHQT được trang bị những phương pháp và công cụ nghiên cứu hiện đại tốt nhất trong lĩnh vực kinh tế và quản trị đang được áp dụng phổ biến trên thế giới.

b) Sau khi tốt nghiệp, các NCS có kỹ năng tư duy phân tích, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề và chính sách kinh tế, xã hội, môi trường; có kỹ năng tổng hợp, sáng tạo và giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tế; có kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích kinh tế định lượng vào hoạt động thực tiễn; có kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng; báo cáo, xây dựng, chỉ đạo tổ chức và thực hiện dự án; có kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; có khả năng tham gia các hoạt động phân tích, hoạch định chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương và doanh nghiệp.

2.3. Về năng lực

Các NCS có năng lực thực hiện các công tác chuyên môn, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và có năng lực tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động tại các địa phương, cơ quan và đơn vị công tác theo xu hướng nghiên cứu khoa học.

2.4. Về năng lực ngoại ngữ và vi tính

a) Toàn bộ chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành QTKD của Trường ĐHQT được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

b) Các NCS sau khi tốt nghiệp có khả năng giảng dạy, nghiên cứu, viết bài nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh và sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính xử lý, phân tích ứng dụng trong chuyên ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

2.5. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ QTKD của Trường ĐHQT nhằm đào tạo ra những nhà khoa học chuyên nghiệp và năng động có khả năng làm việc trong các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) của các tập đoàn lớn. Cụ thể sau khi tốt nghiệp các NCS có thể đảm nhận các vị trí công tác sau:

a) Giảng viên giảng dạy, cán bộ nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, trường cán bộ quản lý của các ngành.

b) Giảng viên giảng dạy, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế hoặc các trung tâm nghiên cứu có liên quan.

c) Cán bộ lãnh đạo, chuyên viên chính trong các ban, ngành của các cơ quan trung ương và địa phương.

d) Cán bộ lãnh đạo, cán bộ phụ trách kinh doanh các tập đoàn kinh tế, tài chính, doanh nghiệp, công ty và xí nghiệp.

đ) Chuyên gia tư vấn xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, dự án phát triển kinh tế xã hội của đất nước và địa phương.

e) Chuyên gia tư vấn các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong nước và thế giới.

3. Yêu cầu đối với người học

3.1 Yêu cầu đối với thí sinh dự thi vào chương trình tiến sĩ của Trường: được quy định bởi đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHQT bao gồm:

- a) Phương thức tuyển sinh
- b) Điều kiện và đối tượng tuyển sinh
- c) Điều kiện tiếng Anh

3.2 Yêu cầu kết quả nghiên cứu đối với NCS:

a) Phương thức 1:

NCS là tác giả chính công bố tối thiểu 04 bài báo trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án, trong đó có 03 bài đăng trên tạp chí Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi là tạp chí Wos/Scopus); các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước (HĐGSNN) quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

b) Phương thức 2:

NCS là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Hoặc là tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế và ít nhất 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên.

- Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất đơn vị chuyên môn.

- Các công bố khoa học tính theo điểm do HĐGSNN quy định đối với ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của NCS, được cập nhật theo các quy định hiện hành và quy định của Trường ĐHQT.

3.3 Điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế

a) Phương thức 1: NCS đáp ứng quy định tại điểm a, khoản 3.2 của Khung chương trình này.

b) Phương thức 2: NCS là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus.

4. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Nội dung
1	Kiến thức: Tiếp cận kiến thức chuyên sâu trong từng chuyên ngành trên nền tảng nghiên cứu khoa học và môi trường học tập tốt gắng liền giữa học đi đôi với thực hành. Đóng góp một phần kiến thức vào nền khoa học quản lý kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.
2	Khả năng phân tích: Khả năng vận dụng các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để thực hiện nghiên cứu chuyên sâu, tạo ra các đóng góp cho môi trường kinh doanh và học thuật bằng khả năng phân tích sâu sắc

3	Kỹ năng giao tiếp: Thông qua việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước hoặc tham gia các hội thảo chuyên ngành có uy tín, NCS có thể truyền đạt các vấn đề học thuật, kiến thức và thành quả nghiên cứu bằng tiếng Anh và tiếng Việt một cách hiệu quả và chính xác cho các đối tượng khán giả là người Việt Nam hoặc người nước ngoài
4	Kỹ năng tư duy sáng tạo: Hiểu và phân tích các vấn đề một cách đa diện, nhiều chiều, có lập luận vững chắc và lý giải vấn đề hợp lý, tạo ra các thành quả khoa học đem lại giá trị mới cho xã hội.
5	Kỹ năng công nghệ: Hiểu và áp dụng các thành quả công nghệ hiện đại phục vụ cho công việc nghiên cứu và giao tiếp trong công việc.
6	Đạo đức trong nghiên cứu: Thực hiện nghiêm túc chuẩn mực và đạo đức trong nghiên cứu nhằm tạo ra những khám phá mới từ các nghiên cứu mô hình quản lý lý thuyết đến các nghiên cứu mô hình quản trị thực nghiệm và phát triển các chính sách chiến lược khả thi trong khoa học Quản trị Kinh doanh.
7	Năng lực đáp ứng được xu hướng toàn cầu hóa: Trở thành nguồn nhân lực đáp ứng được các yêu cầu quốc tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay, mang đến những công trình nghiên cứu có đóng góp lớn không chỉ được thừa nhận bởi các nhà nghiên cứu trong nước. Đi đầu trong hoạt động khoa học chuyên nghiệp và lĩnh vực nghiên cứu mà NCS theo đuổi.

5. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học.

STT	Mã môn học	Tên môn học	1	2	3	4	5	6	7
Phần 1: Học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan									
1. Học phần ở trình độ tiến sĩ									
1.1 Học phần Kiến thức chung bắt buộc (6 tín chỉ)									
1	PHD.CO.001	Kỹ năng viết đề tài nghiên cứu	H	H	N	H	S	H	H
2	PHD.CO.002	Thiết kế và thực hiện NCKH	H	H	S	H	S	H	S
1.2 Học phần Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc (6 tín chỉ)									

3	PHD.MR.001	Phân tích định lượng nâng cao	H	H	N	H	H	S	S
4	PHD.MR.002	Các phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao	H	H	S	H	H	H	H
5	PHD.FR.001	Kinh tế lượng	H	H	N	S	H	H	S
6	PHD.FR.002	Các nghiên cứu thực nghiệm trong Tài chính	H	H	N	S	H	H	H
1.3 Học phần Kiến thức cơ sở và chuyên ngành tự chọn (6 tín chỉ) (chọn 2 môn trong các hội thảo chuyên đề dưới đây)									
7	PHD.MO.001	Hội thảo Quản trị Marketing Quốc tế	H	H	S	S	S	H	H
8	PHD.MO.002	Hội thảo Kinh doanh Quốc tế và các công ty đa quốc gia	H	H	S	S	H	H	H
9	PHD.MO.003	Hội thảo khởi nghiệp và quản trị mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ	H	H	S	S	H	H	S
10	PHD.MO.004	Hội thảo chiến lược quản trị doanh nghiệp	H	H	H	S	H	H	S
11	PHD.MO.005	Hội thảo quản trị chiến lược	H	S	H	H	H	H	H
12	PHD.MO.006	Hội thảo quản trị chuỗi cung ứng	H	H	S	S	H	H	H
13	PHD.FO.001	Hội thảo đầu tư nâng cao	H	H	S	S	S	H	S
14	PHD.FO.002	Hội thảo tài chính doanh nghiệp nâng cao	H	H	H	S	S	H	H
15	PHD.FO.003	Hội thảo Quản Trị tổ chức tài chính: qui định trong hoạt động ngân hàng, quản trị và tính toán mức độ rủi ro	H	H	H	S	S	H	H
16	PHD.FO.004	Hội thảo chứng khoán phái sinh nâng cao	H	H	S	H	S	H	H
17	PHD.FO.005	Hội thảo giá trị tài sản	H	H	S	H	H	H	H
18	PHD.FO.006	Hội thảo tài chính quốc tế	H	H	H	S	H	H	H
2. Các chuyên đề tự học									

19	PHD.IS.001	Chuyên đề tự học I	H	H	S	H	S	H	S
20	PHD.IS.002	Chuyên đề tự học II	H	H	S	H	S	H	S
21	PHD.THE.001	Tiểu luận tổng quan	H	H	S	H	H	H	H
Phần 2: Luận án tiến sĩ									
22	PHD.THE.003	Chuyên đề tiến sĩ I	H	H	H	H	H	H	H
23	PHD.THE.004	Chuyên đề tiến sĩ II	H	H	H	H	H	H	H
24	PHD.THE.005	Chuyên đề tiến sĩ III	H	H	H	H	H	H	H
25	PHD.THE.006	Luận án tiến sĩ	H	H	H	H	H	H	H

H: Hỗ trợ hoàn toàn; S: hỗ trợ; N: Không hỗ trợ.

6. Thời gian đào tạo

6.1 Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Phương thức đào tạo	Thời gian đào tạo
Phương thức 1	3 năm
Phương thức 2	3 năm

6.2 Nghiên cứu sinh có bằng đại học

Phương thức đào tạo	Thời gian đào tạo
Phương thức 1	4 năm
Phương thức 2	4 năm

7. Điều kiện tốt nghiệp

Được quy định tại Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHQT.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1 Khái quát chương trình:

a) Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ:

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ tích lũy	Số tín chỉ			
		Học phần tiến sĩ		Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan	Luận án
		Bắt buộc	Tự chọn		
Phương thức 1	90	4	0	12	74
Phương thức 2	92	8	4	6	74

b) Nghiên cứu sinh có bằng đại học:

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ tích lũy	Số tín chỉ					
		Học phần bổ sung		Học phần tiến sĩ		Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan	Luận án
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
Phương thức 1	120	12	18	4	0	12	74
Phương thức 2	122	12	18	8	4	6	74

Phương thức 1, 2 của chương trình tiến sĩ Quản trị Kinh doanh không có Qualifying Exam.

8.2 Danh mục các môn học

a) Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ: phương thức 1

TT	Mã số môn học	Tên môn học	Số tín chỉ			Học kỳ
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I.	HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ		4	4	0	
I.1	Học phần Kiến thức chung bắt buộc (học môn 1 và chọn môn 2 hoặc 3)		4	4	0	
1	PHD.CO.002	Research Design and Analysis (Thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học – NCKH)	2	2	0	1
2	PHD.MR.001	Advanced Quantitative Analysis in Business (Phân tích định lượng nâng cao)	2	2	0	1
3	PHD.MR.002	Advanced Qualitative Research Methods (Các phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao)	2	2	0	1
II	CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN		12	12	0	
II.1	Tiểu luận tổng quan		3	3	0	
1	PHD.THE.001	Literature review (Tiểu luận tổng quan)	3	3	0	1-2
II.2	Chuyên đề tiến sĩ		9	9	0	

1	PHD.THE.002	Special Study I (Chuyên đề tiến sĩ I)	3	3	0	2-5
2	PHD.THE.003	Special Study II (Chuyên đề tiến sĩ II)	3	3	0	2-5
3	PHD.THE.004	Special Study III (Chuyên đề tiến sĩ III)	3	3	0	2-5
III	LUẬN ÁN TIẾN SĨ		74			
1	PHD.THE.005	Thesis (Luận án tiến sĩ)	74			2-6
TỔNG CỘNG			90			

b) Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ: phương thức 2

TT	Mã số môn học	Tên môn học	Số tín chỉ			Học kỳ
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I.	HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ		12	12	0	
I.1	<i>Học phần Kiến thức chung bắt buộc</i>		8	8	0	
1	PHD.CO.001	Research Proposal and Writing (Kỹ năng viết đề tài nghiên cứu)	2	2	0	1
2	PHD.CO.002	Research Design and Analysis (Thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học –NCKH)	2	2	0	1
3	PHD.MR.001	Advanced Quantitative Analysis in Business (Phân tích định lượng nâng cao)	2	2	0	2
4	PHD.MR.002	Advanced Qualitative Research Methods (Các phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao)	2	2	0	2
I.2	<i>Học phần Kiến thức cơ sở và chuyên ngành tự chọn (chọn 02 môn học trong các hội thảo chuyên đề dưới đây)</i>		4	4	0	
1	PHD.MO.001	Seminar in International Marketing Management (Hội thảo Quản trị Marketing Quốc tế)	2	2	0	1
2	PHD.MO.002	Seminar in Global Business and Multinational Enterprises (Hội thảo Kinh doanh Quốc tế và các	2	2	0	1

		Công ty Đa quốc gia)				
3	PHD.MO.003	Seminar in SME and Entrepreneurship (Hội thảo khởi nghiệp và quản trị mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ)	2	2	0	1
4	PHD.MO.004	Seminar in Corporate Management Strategy (Hội thảo chiến lược quản trị doanh nghiệp)	2	2	0	2
5	PHD.MO.005	Seminar in Strategic Management (Hội thảo quản trị chiến lược)	2	2	0	2
6	PHD.MO.006	Seminar in Supply Chain Management (Hội thảo quản trị chuỗi cung ứng)	2	2	0	2
II	CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN		6	6	0	
II.1	Tiểu luận tổng quan		3	3	0	
1	PHD.THE.001	Literature review (Tiểu luận tổng quan)	3	3	0	2
II.2	Chuyên đề tiến sĩ		3	3	0	
1	PHD.THE.003	Special Study I (Chuyên đề tiến sĩ I)	3	3	0	3-5
III	LUẬN ÁN TIẾN SĨ		74			
1	PHD.THE.006	Thesis (Luận án tiến sĩ)	74			2-6
	TỔNG CỘNG		92			

Quy định nghiên cứu, công bố khoa học theo quy định hiện hành của Trường ĐHQT

NCS có bài báo theo quy định được xem xét miễn bảo vệ chuyên đề tiến sĩ.

c) Nghiên cứu sinh có bằng đại học: phương thức 1

TT	Mã số môn học	Tên môn học	Số tín chỉ			Học kỳ
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I	CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG		30	30	0	
I.1	Khối Kiến Thức Bắt Buộc		12	12	0	

1	MBA.CO.001	Statistics for Business (Thống kê trong Kinh doanh)	3	3	0	1
2	MBA.CO.011	Managerial Economics (Kinh tế Quản lý)	3	3	0	1
3	MBA.CO.006	Operations & Supply Chain Management (Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng)	3	3	0	2
4	MBA.CO.010	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu)	3	3	0	2
I.2	Khối Kiến Thức Tự Chọn		18	18	0	
1	MBA.GE.008	Negotiation and Problem-Solving Skills (Các kỹ năng Đàm phán và Giải quyết vấn đề)	3	3	0	1-2
2	MBA.GE.009	Business, Ethics and Society (Kinh doanh, Đạo đức và Xã hội)	3	3	0	1-2
3	MBA.GE.010	Developing Leadership Skills (Phát triển Kỹ năng lãnh đạo)	3	3	0	1-2
4	MBA.GE.011	International Marketing (Tiếp thị quốc tế)	3	3	0	1-2
5	MBA.GE.012	Cross-Cultural Management (Quản trị đa văn hoá)	3	3	0	1-2
6	MBA.GE.013	International Economics (Kinh tế Quốc tế)	3	3	0	1-2
7	MBA.GE.014	International Business Management (Quản trị Kinh doanh Quốc tế)	3	3	0	1-2
8	MBA.GE.015	Corporate Financial Management (Quản trị tài chính doanh nghiệp)	3	3	0	1-2
9	MBA.GE.016	Venture Capital and Private Equity (Quản lý Quỹ đầu tư mạo hiểm và Vốn cá nhân)	3	3	0	1-2
10	MBA.GE.017	Financial Strategies (Chiến lược Tài chính)	3	3	0	1-2

11	MBA.GE.018	Service Marketing (Marketing dịch vụ)	3	3	0	1-2
12	MBA.GE.019	New Product Development (Phát triển sản phẩm mới)	3	3	0	1-2
13	MBA.GE.020	Contemporary Human Resource Management (Quản trị nguồn nhân lực đương đại)	3	3	0	1-2
14	MBA.GE.021	Digital Marketing and Ecommerce (Tiếp thị số và Thương mại điện tử)	3	3	0	1-2
15	MBA.GE.022	Data Analysis and Forecasting – Big Data Application (Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data)	3	3	0	1-2
II	HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ		4	4	0	
I.1	Học phần Kiến thức chung bắt buộc (học môn 1 và chọn môn 2 hoặc 3)		4	4	0	
1	PHD.CO.002	Research Design and Analysis (Thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học – NCKH)	2	2	0	3
2	PHD.MR.001	Advanced Quantitative Analysis in Business (Phân tích định lượng nâng cao)	2	2	0	3
3	PHD.MR.002	Advanced Qualitative Research Methods (Các phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao)	2	2	0	3
III	CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN		12	12	0	
III.1	Tiểu luận tổng quan		3	3	0	
1	PHD.THE.001	Literature review (Tiểu luận tổng quan)	3	3	0	4
III.2	1. Chuyên đề tiến sĩ		9	9	0	
1	PHD.THE.003	Special Study I (Chuyên đề tiến sĩ I)	3	3	0	5-8

2	PHD.THE.004	Special Study II (Chuyên đề tiến sĩ II)	3	3	0	5-8
3	PHD.THE.005	Special Study III (Chuyên đề tiến sĩ III)	3	3	0	5-8
IV	LUẬN ÁN TIẾN SĨ		74			
1	PHD.THE.006	Thesis (Luận án tiến sĩ)	74			4-8
TỔNG CỘNG			120			

d) Nghiên cứu sinh có bằng đại học: phương thức 2

TT	Mã số môn học	Tên môn học	Số tín chỉ			Học kỳ
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I	CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG		30	30	0	
I.1	Khối Kiến Thức Bắt Buộc		12	12	0	
1	MBA.CO.001	Statistics for Business (Thống kê trong Kinh doanh)	3	3	0	1
2	MBA.CO.011	Managerial Economics (Kinh tế Quản lý)	3	3	0	1
3	MBA.CO.006	Operations & Supply Chain Management (Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng)	3	3	0	2
4	MBA.CO.010	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu)	3	3	0	2
I.2	Khối Kiến Thức Tự Chọn		18	18	0	
1	MBA.GE.008	Negotiation and Problem-Solving Skills (Các kỹ năng Đàm phán và Giải quyết vấn đề)	3	3	0	1-2
2	MBA.GE.009	Business, Ethics and Society (Kinh doanh, Đạo đức và Xã hội)	3	3	0	1-2
3	MBA.GE.010	Developing Leadership Skills (Phát triển Kỹ năng lãnh đạo)	3	3	0	1-2
4	MBA.GE.011	International Marketing (Tiếp thị quốc tế)	3	3	0	1-2

5	MBA.GE.012	Cross-Cultural Management (Quản trị đa văn hoá)	3	3	0	1-2
6	MBA.GE.013	International Economics (Kinh tế Quốc tế)	3	3	0	1-2
7	MBA.GE.014	International Business Management (Quản trị Kinh doanh Quốc tế)	3	3	0	1-2
8	MBA.GE.015	Corporate Financial Management (Quản trị tài chính doanh nghiệp)	3	3	0	1-2
9	MBA.GE.016	Venture Capital and Private Equity (Quản lý Quỹ đầu tư mạo hiểm và Vốn cá nhân)	3	3	0	1-2
10	MBA.GE.017	Financial Strategies (Chiến lược Tài chính)	3	3	0	1-2
11	MBA.GE.018	Service Marketing (Marketing dịch vụ)	3	3	0	1-2
12	MBA.GE.019	New Product Development (Phát triển sản phẩm mới)	3	3	0	1-2
13	MBA.GE.020	Contemporary Human Resource Management (Quản trị nguồn nhân lực đương đại)	3	3	0	1-2
14	MBA.GE.021	Digital Marketing and Ecommerce (Tiếp thị số và Thương mại điện tử)	3	3	0	1-2
15	MBA.GE.022	Data Analysis and Forecasting – Big Data Application (Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data)	3	3	0	1-2
II	HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ		8	8	0	
I.1	Học phần Kiến thức chung bắt buộc		8	8	0	
1	PHD.CO.001	Research Proposal and Writing (Kỹ năng viết đề tài nghiên cứu)	2	2	0	3
1	PHD.CO.002	Research Design and Analysis (Thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học –NCKH)	2	2	0	3
2	PHD.MR.001	Advanced Quantitative Analysis	2	2	0	4

		in Business (Phân tích định lượng nâng cao)				
3	PHD.MR.002	Advanced Qualitative Research Methods (Các phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao)	2	2	0	4
III	CHUYÊN ĐỀ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN		6	6	0	
III.1	Tiểu luận tổng quan		3	3	0	
1	PHD.THE.001	Literature review (Tiểu luận tổng quan)	3	3	0	5
III.2	Chuyên đề tiến sĩ		3	3	0	
1	PHD.THE.003	Special Study I (Chuyên đề tiến sĩ I)	3	3	0	5-8
IV	LUẬN ÁN TIẾN SĨ		74			
1	PHD.THE.006	Thesis (Luận án tiến sĩ)	74			4-8
TỔNG CỘNG			122			

Quy định nghiên cứu, công bố khoa học theo quy định hiện hành của Trường ĐHQT

NCS có bài báo theo quy định được xem xét miễn bảo vệ chuyên đề tiến sĩ./.